

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2023/DS-PT

Ngày 30-8-2023

V/v Tranh chấp về lối đi chung và
yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở
sử dụng lối đi chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phùng Đức Chính

Các Thẩm phán: Ông Cao Đức Chiến

Bà Nguyễn Thị Hoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Chu Thị Kiều - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 17/2023/TLPT-DS ngày 14 tháng 7 năm 2023 về việc Tranh chấp về lối đi chung và yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở sử dụng lối đi chung. Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 10/2023/ST-DS ngày 22-5-2023 của Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn, bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 35/2023/QĐ-PT ngày 02 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 73/2023/QĐ-PT ngày 23 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Hoàng Văn S. Cư trú tại: Thôn S, xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Bà Lương Thị H
- Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh L; có mặt.

- Bị đơn: Ông Vương Văn D. Cư trú tại: Thôn S, xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Vương Văn D: Bà Triệu Thúy H1. Cư trú tại: Số B ngách A T, phường P, quận T, thành phố Hà Nội (văn bản ủy quyền ngày 29-8-2023); có mặt

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nông Thị Ó. Cư trú tại: Thôn S, xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

2. Bà Hoàng Thị H2. Cư trú tại: Thôn S, xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

3. Bà Hoàng Thị P. Cư trú tại: Thôn A, xã N, huyện T, tỉnh Bắc Giang; vắng mặt.

4. Chị Hoàng Thị L. Cư trú tại: Thôn Đ, xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

5. Anh Hoàng Văn Đ. Cư trú tại: Thôn S, xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nông Thị Ó, bà Hoàng Thị H2, bà Hoàng Thị P, chị Hoàng Thị L, anh Hoàng Văn Đ: Ông Hoàng Văn S. Cư trú tại: Thôn S, xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn (văn bản ủy quyền ngày 31-10-2022); có mặt.

6. Bà Hoàng Thị M. Cư trú tại: Thôn S, xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

7. Bà Cam Thị Đ1. Cư trú tại: Thôn S, xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

8. Ông Vương Văn T. Cư trú tại: Thôn S, xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

9. Ông Vương Văn T1. Cư trú tại: Thôn S, xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

10. Bà Vương Thị Y. Cư trú tại: Xóm K, xã M, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

11. Bà Vương Thị T2. Cư trú tại: Thôn Đ, xã Q, huyện V, tỉnh Bắc Giang; vắng mặt.

12. Ủy ban nhân dân (UBND) xã H, huyện H.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Đàm Thị N - Công chức Địa chính UBND xã Hoà Thắng, huyện H, tỉnh Lạng Sơn (văn bản ủy quyền ngày 17-01-2023); vắng mặt.

13. Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Lạng Sơn.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Vũ H3 - Chuyên viên Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện H, tỉnh Lạng Sơn (văn bản ủy quyền ngày 12-01-2023); vắng mặt.

14. Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện H, tỉnh Lạng Sơn.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Bùi Công T3, Giám đốc Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện H, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Ông Vương Văn D, là bị đơn và bà Cam Thị Đ1, là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và Bản án dân sự sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Theo đơn khởi kiện, năm 1992 nguyên đơn có khai phá đất rừng với diện tích 11.469m², thuộc thửa đất số 80, tờ bản đồ lâm nghiệp số 02 xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn, đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt là GCNQSDĐ) năm 2010. Trước khi gia đình nguyên đơn khai phá đã có con đường đi vào là lối xe trâu, sau này khi khai thác bạch đàn thì con đường rộng hơn đủ cho ô tô đi lại. Thửa đất số 80 của nguyên đơn giáp với thửa đất số 74, tờ bản đồ lâm nghiệp số 02 cấp cho hộ ông Vương Văn L1 (bố đẻ bị đơn Vương Văn D), do cấp GCNQSDĐ đồng loạt nên nguyên đơn không được ký giáp ranh giữa các hộ liền kề nên nguyên đơn không biết lối đi chung đã được cấp vào GCNQSDĐ của hộ ông Vương Văn L1.

Đến năm 2016, ông Vương Văn D tự ý trồng cây bạch đàn xuống đoạn đường đi chung cản trở không cho gia đình nguyên đơn đi vào rừng sản xuất nên đã xảy ra tranh chấp và được UBND xã hoà giải hai gia đình đã thống nhất, phía gia đình ông Vương Văn D sẽ mở một con đường đi khác qua bờ ruộng nhưng sau đó gia đình ông Vương Văn D không thực hiện nên nguyên đơn tiếp tục sử dụng đường đi cũ nên xảy ra tranh chấp. Con đường này có từ ngày xưa tính từ đường liên xã vào đến đoạn tranh chấp dài khoảng 01 km, đoạn tranh chấp giữa hai gia đình dài hơn 20m chỉ có gia đình nguyên đơn và bị đơn sử dụng lối đi này. Năm 2018 Lâm trường trả về địa phương thể hiện đây là lối đi chung, sau khi xem xét, thẩm định tại chỗ xác định diện tích đất tranh chấp là đất giao thông. Nguyên đơn yêu cầu công nhận toàn bộ diện tích 205,6m² là lối đi chung theo đúng bản đồ đất Lâm trường trả về địa phương năm 2019, yêu cầu gia đình bị đơn chấm dứt hành vi cản trở gia đình nguyên đơn sử dụng lối đi chung.

Bị đơn ông Vương Văn D trình bày: Gia đình bị đơn có thửa đất số 74, tờ bản đồ số 02 xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn, diện tích 15.268m², nguồn gốc đất do bố mẹ bị đơn khai phá đã được UBND huyện H cấp GCNQSDĐ cho hộ ông Vương Văn L1 vào ngày 22-11-2010. Bị đơn được bố mẹ cho bằng miệng một phần diện tích thửa đất số 74 để canh tác, sử dụng. Bị đơn thừa nhận ngày xưa đã có lối đi do Lâm trường mở để khai thác rừng là đúng, nhưng lối đi này chỉ đi đến đầu của thửa đất số 74 của bị đơn không đi đến thửa đất số 80 của nguyên đơn. Lối đi hiện đang tranh chấp trước kia chỉ là lối đi nhỏ đường mòn trâu đi, đến khi khai thác rừng gia đình bị đơn mới đi cuộc mở rộng đường đủ để xe công nông đi vào chở gỗ, con đường bị đơn mở rộng từ đầu đến gần cuối thửa đất số 74 của bị đơn, còn thửa đất số 80 của nguyên đơn không có lối nào để vào, trước kia bị đơn có cho nguyên đơn đi nhờ qua để khai thác cây. Diện tích đất nguyên đơn yêu cầu công nhận là lối đi chung thuộc một phần thửa đất số 74 mà hộ gia đình bị đơn đã được cấp GCNQSDĐ nên bị đơn không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của đơn.

Đại diện theo ủy quyền của UBND xã H trình bày: Phần diện tích đường đi đang có tranh chấp đã hình thành từ những năm 1980 do Lâm trường mở để khai thác rừng trồng, năm 2010, do đặc lại bản đồ lâm nghiệp đã cấp GCNQSDĐ đối với thửa đất số 74 cho hộ ông Vương Văn L1. Năm 2011, ông Vương Văn L1 cho con trai là ông Vương Văn D một phần thửa đất số 74 (trong đó có diện tích đường đi tranh chấp) nhưng chưa làm thủ tục sang tên đến năm 2016 xảy ra tranh chấp, UBND xã đã hòa giải thành nhưng bị đơn không thực hiện kết quả hòa giải nên lại tiếp tục xảy ra tranh chấp. Theo bản đồ dự án đất Lâm trường trả về địa phương năm 2019, thực hiện đo theo hiện trạng thì phần diện tích đất tranh chấp thể hiện là đất giao thông thuộc đất công do UBND xã quản lý, không thuộc quyền sử dụng của riêng hộ gia đình nào.

Đại diện theo ủy quyền của UBND huyện H trình bày: Diện tích đất tranh chấp, UBND huyện H đã cấp GCNQSDĐ cho hộ ông Vương Văn L1 đối với thửa đất số 74, tờ bản đồ số 02, diện tích 15.268m² vào ngày 22-11-2010. Theo bản đồ đất Nông, lâm trường giao về địa phương năm 2019 thì diện tích đất tranh chấp thuộc một phần thửa đất số 80, tờ bản đồ số 06, mục đích đất giao thông do cấp không đúng diện tích (*cấp cả vào phần diện tích đất đường giao thông*). Do đó, ngày 14-4-2023, UBND huyện H đã ban hành Quyết định số:1484/QĐ-UBND về việc thu hồi GCNQSDĐ số BD 528732 ngày 22-11-2010 mang tên hộ ông Vương Văn L1 đối với thửa đất số 74, tờ bản đồ số 02.

Đại diện Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện H trình bày: Từ khi UBND tỉnh L ban hành Quyết định số: 1460/QĐ-UBND ngày 02-8-2018, về việc thu hồi đất của Công ty TNHH M1 giao cho Trung tâm phát triển quỹ đất huyện H quản lý, thì Trung tâm chưa có tác động gì đến khu vực đất trên. Theo Quyết định số: 2610/QĐ-UBND ngày 15-12-2021, của UBND tỉnh về phê duyệt phương án sử dụng đất Công ty TNHH M1 bàn giao về cho địa phương quản lý, sử dụng tại xã H, huyện H. Trong đó có nội dung: “*Thực hiện kiểm tra, rà soát để cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho các hộ gia đình, cá nhân theo hiện trạng quản lý, sử dụng: 1.209,6 ha đất rừng sản xuất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trong giai đoạn từ năm 2010 - năm 2013*”. Đối với GCNQSDĐ, ngày 22-11-2010 đã cấp cho hộ ông Vương Văn L1 thửa đất số 74, tờ bản đồ số 02 thuộc trường hợp rà soát để cấp đổi GCNQSDĐ. Trung tâm phát triển quỹ đất đề nghị Tòa án xét xử theo quy định của pháp luật.

Bà Nông Thị Ó, bà Hoàng Thị H2, bà Hoàng Thị P, chị Hoàng Thị L, anh Hoàng Văn Đ, nhất trí với ý kiến trình bày của nguyên đơn.

Bà Hoàng Thị M, bà Cam Thị Đ1, thống nhất với ý kiến trình bày của bị đơn. Ông Vương Văn T, ông Vương Văn T1, bà Vương Thị Y, bà Vương Thị T2, không có ý kiến trình bày.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 10/2023/DS-ST ngày 22-5-2023 của Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn, đã quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

Công nhận diện tích 205,6m² thuộc một phần thửa đất số 80, tờ bản đồ 06, bản đồ địa chính xã H năm 2019, là lối đi chung (đất giao thông) địa chỉ thôn S, xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn, do Ủy ban nhân dân xã H quản lý. Buộc hộ ông Vương Văn D chấm dứt hành vi cản trở, gây khó khăn cho hộ ông Hoàng Văn S khi sử dụng lối đi chung.

2. Về chi phí tố tụng: Bị đơn ông Vương Văn D, phải hoàn trả cho nguyên đơn ông Hoàng Văn S, số tiền 10.585.000 đồng.

Ngoài ra, Bản án còn tuyên về án phí, về quyền thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Trong thời hạn luật định, bị đơn ông Vương Văn D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Cam Thị Đ1 kháng cáo Bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ Bản án sơ thẩm với lý do ông, bà không nhận được Quyết định đưa vụ án ra xét xử nên không được tham gia phiên tòa và Tòa án cấp sơ thẩm không tiến hành lấy lời khai của những người liên quan là anh Vương Văn T, anh Vương Văn T1, chị Vương Thị Y, chị Vương Thị T2.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Người đại diện theo uỷ quyền của ông Vương Văn D rút nội dung kháng cáo nêu trên và thay đổi lý do kháng cáo, đề nghị cấp phúc thẩm huỷ Bản án dân sự sơ thẩm số 10/2023/DS-ST ngày 22-5-2023 của Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn do vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Vì Tòa án cấp sơ thẩm không đưa ông Vương Văn H4 và chủ sử dụng đất thửa số 47, tờ bản đồ số 02, bản đồ địa chính xã H đo vẽ năm 2008 vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án; Tòa án cấp sơ thẩm chưa thực hiện chồng ghép bản đồ là chưa khách quan, chưa chính xác; diện tích đất tranh chấp không phải là đất giao thông như Tòa án cấp sơ thẩm nhận định mà thuộc một phần thửa đất số 74, tờ bản đồ số 02, bản đồ địa chính xã H đo vẽ năm 2008 của ông Vương Văn D.

Nguyên đơn ông Hoàng Văn S vẫn giữ nguyên nội dung khởi kiện, không chấp nhận kháng cáo của ông Vương Văn D và bà Cam Thị Đ1.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn trình bày: Gia đình nguyên đơn đang quản lý, sử dụng đối với diện tích 11.469m², thuộc thửa đất số 80, tờ bản đồ lâm nghiệp số 02 xã H, địa chỉ thửa đất tại thôn S, xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn, diện tích đất này gia đình nguyên đơn đã được UBND huyện H cấp GCNQSDĐ năm 2010. Từ những năm 1980 đã có con đường đi vào rừng của nguyên đơn do Lâm trường Hữu L2 mở để đi vào khai thác rừng. Theo bản đồ dự án đất Lâm trường trả về địa phương năm 2019, thì phần diện tích đất tranh chấp thuộc một phần thửa đất số 80, tờ bản đồ số 06, thể hiện là đất giao thông thuộc đất công do UBND xã quản lý, không thuộc quyền sử dụng của riêng hộ gia đình nào. Ngày 14-4-2023, UBND huyện H đã ban hành Quyết định số:1484/QĐ-UBND về việc thu hồi GCNQSDĐ số BD 528732 mang tên hộ ông Vương Văn L1, do cấp không đúng diện tích (*cấp cả vào phần diện tích đất đường giao thông*), trong đó có cả phần diện tích đất lối đi đang tranh chấp. Vì vậy, không xác định ông Vương Văn H4 là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan

trong vụ án là có cơ sở. Do đó kháng cáo của ông Vương Văn D đề nghị hủy bản án sơ thẩm là không có căn cứ. Đề nghị Hội đồng không chấp nhận kháng cáo của ông Vương Văn D, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Đối với kháng cáo của bà Cam Thị Đ1, Tòa án đã triệu tập họp lệ lần thứ hai vẫn vắng mặt không có lý do, coi như từ bỏ quyền kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bà Cam Thị Đ1.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật tố tụng và giải quyết vụ án cụ thể như sau:

1. Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; người tham gia tố tụng có mặt tại phiên tòa đã được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

2. Về việc giải quyết kháng cáo: Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Cam Thị Đ1 vắng mặt tại phiên tòa được triệu tập họp lệ lần thứ 2, coi như từ bỏ quyền kháng cáo, cần đình chỉ giải quyết phần kháng cáo của bà Cam Thị Đ1.

Đối với kháng cáo của bị đơn Vương Văn D: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ và trình bày công khai của các đương sự tại phiên tòa ngày hôm nay, xét thấy, diện tích đất nguyên đơn yêu cầu công nhận là lỗi đi chung, trước đây những năm 1990, thuộc Lâm trường H (hiện nay là Công ty TNHH một thành viên M1) quản lý để làm đường vào khai thác rừng. Năm 2010, UBND huyện H đã cấp GCNQSDĐ số BD 528732 ngày 22/11/2010, cho hộ ông Vương Văn L1, đối với thửa đất số 74 (có diện tích đường đi đang tranh chấp). Quá trình kiểm tra hồ sơ, phát hiện GCNQSDĐ mang tên hộ ông Vương Văn L1 cấp không đúng quy định (cấp cả phần diện tích đường giao thông). Do đó, ngày 14/4/2023 UBND huyện H đã ra Quyết định số 1484, thu hồi GCNQSDĐ số BD 528732 do UBND huyện H cấp ngày 22/11/2010 mang tên hộ ông Vương Văn L1.

Như vậy, yêu cầu công nhận là lỗi đi chung của nguyên đơn là có cơ sở. Bị đơn ông Vương Văn D kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của ông Vương Văn D là bà Triệu Thúy H1 bổ sung ý kiến kháng cáo về việc Bản án dân sự sơ thẩm có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, chưa xem xét thu thập đầy đủ tài liệu, tuy nhiên không đưa ra được chứng cứ tài liệu gì thêm, do đó kháng cáo không có căn cứ để chấp nhận.

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự đề xuất không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 10/2023/DS-ST ngày 22/5/2023 của Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

Về án phí: Do ông Vương Văn D, bà Cam Thị Đ1 là người dân tộc thiểu số sinh sống ở xã có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, có đơn xin miễn nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm, nên thuộc trường hợp được miễn án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Phiên tòa đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2; các đương sự đã được triệu tập hợp lệ, bị đơn Vương Văn D và những người liên quan vắng mặt nhưng người đại diện theo ủy quyền có mặt hoặc có đề nghị xét xử vắng mặt; riêng người kháng cáo là bà Cam Thị Đ1 vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt những người này.

[2] Đối với người kháng cáo là bà Cam Thị Đ1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào khoản 3 Điều 296 và khoản 2 Điều 312 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bà Cam Thị Đ1.

[3] Xét kháng cáo của bị đơn ông Vương Văn D, thấy rằng: Theo các tài liệu có trong hồ sơ thì nguồn gốc diện tích đất tranh chấp trước đây từ những năm 1980, thuộc Lâm trường H (hiện nay là Công ty TNHH một thành viên M1) quản lý để làm đường vào khai thác rừng. Năm 2010, đo đạc lại bản đồ lâm nghiệp, UBND huyện H đã cấp GCNQSDĐ số BD 528732 ngày 22/11/2010, cho hộ ông Vương Văn L1, đối với thửa đất số 74, tờ bản đồ số 02 (trong đó có cả phần diện tích lõi đi đang tranh chấp). Theo Bản đồ đất Nông, lâm trường giao về địa phương năm 2019, thì diện tích đất tranh chấp thuộc một phần thửa đất số 80, tờ bản đồ 06, là đất giao thông; còn thửa đất số 74, tờ bản đồ số 02 được tách thành 02 thửa đất, gồm: Thửa đất số 136, tờ bản đồ số 06, diện tích 8.688,1m² (do ông Vương Văn D là người đứng tên) và thửa đất số 118, tờ bản đồ số 06, diện tích 6.216,2m² (do ông Vương Văn H4 là người đứng tên). Ngày 14/4/2023, UBND huyện H đã ban hành Quyết định số 1484/QĐ-UBND về việc thu hồi GCNQSDĐ mang tên hộ ông Vương Văn L1, tại Điều 1 quyết định: “*Thu hồi GCNQSDĐ số BD 528732 do UBND huyện H cấp ngày 22/11/2010 mang tên hộ ông Vương Văn L1 (hiện nay ông Vương Văn L1 đã chết), địa chỉ thửa đất tại thôn S, xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Lý do thu hồi: GCNQSDĐ số BD 528732 cấp không đúng diện tích (cấp cả vào phần diện tích đất đường giao thông)*”. Quyết định số 1484/QĐ-UBND, ngày 14/4/2023 của UBND huyện H, tỉnh Lạng Sơn hiện nay đang có hiệu lực, không có ai khiếu nại, khởi kiện quyết định này.

[4] Như vậy, có đủ cơ sở xác định diện tích đất tranh chấp 205,6m² thuộc một phần thửa đất số 80, tờ bản đồ 06, bản đồ địa chính xã H năm 2019, là lõi đi chung (đất giao thông) không thuộc quyền quản lý của hộ gia đình, cá nhân nào, nhưng việc sử dụng lõi đi chung phải đặt dưới sự quản lý của UBND xã H. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc được sử dụng lõi đi chung và buộc phía bị đơn chấm dứt hành vi cản trở sử dụng lõi đi chung là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

[5] Việc bị đơn cho rằng không đưa ông Vương Văn H4 vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng: Xét thấy, đây không phải vụ án chia di sản thừa kế, diện tích đất tranh chấp thuộc một phần thửa đất số 74, tờ bản đồ số 02, bản đồ địa chính xã H đo vẽ năm 2008 nhưng UBND huyện H đã có Quyết định số

1484/QĐ-UBND, ngày 14/4/2023 thu hồi GCNQSDĐ số BD 528732 mang tên hộ ông Vương Văn L1. Mặt khác, theo Bản đồ đất Nông, lâm trường giao về địa phương năm 2019, thì diện tích đất tranh chấp thuộc một phần thửa đất số 80, tờ bản đồ 06, là đất giao thông, không phải của riêng hộ gia đình, cá nhân nào; gia đình hộ ông Vương Văn H4 cũng không sử dụng phần diện tích lối đi tranh chấp này để đi ra đường công cộng. Do đó, Tòa án không xác định ông Vương Văn H4 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án này.

[6] Đối với chủ sử dụng đất thửa số 47, tờ bản đồ số 02, bản đồ địa chính xã H đo vẽ năm 2008, do xác định đây là lối đi chung, không giao cho hộ gia đình, cá nhân nào quản lý sử dụng mà do UBND xã quản lý, nếu có tranh chấp thì chủ sử dụng đất thửa số 47, tờ bản đồ số 02, bản đồ địa chính xã H đo vẽ năm 2008 có quyền khởi kiện bằng vụ án khác. Vì vậy, trong vụ án này, chưa phát sinh quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đối với chủ sử dụng đất thửa số 47, tờ bản đồ số 02, bản đồ địa chính xã H đo vẽ năm 2008. Do đó, ý kiến của người kháng cáo không có căn cứ để chấp nhận.

[7] Đối với ý kiến của bị đơn về việc thực hiện chồng ghép bản đồ, thấy rằng, quá trình giải quyết vụ án các đương sự đều thừa nhận trước đây có con đường đi do Lâm trường Hữu Lũng để vào khai thác rừng. Theo Quyết định số: 1460/QĐ-UBND ngày 02/8/2018 của UBND tỉnh L, về việc thu hồi đất của Công ty TNHH MTV M1 giao cho Trung tâm phát triển quỹ đất huyện H quản lý; Bản đồ đất Nông, lâm trường giao về địa phương năm 2019; Căn cứ vào kết quả đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ thì diện tích đất tranh chấp thuộc một phần thửa đất số 80, tờ bản đồ 06, là đất giao thông, Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào kết quả này để công nhận diện tích đất tranh chấp là lối đi chung là có căn cứ. Qua thừa nhận của các đương sự, qua các tài liệu được thẩm tra, làm rõ tại phiên tòa đã có đủ căn cứ xác định diện tích đất tranh chấp nên không nhất thiết phải thực hiện chồng ghép bản đồ như ý kiến của người kháng cáo đưa ra.

[8] Tại cấp phúc thẩm, người kháng cáo không xuất trình được tài liệu, chứng cứ gì mới để chứng minh cho việc kháng cáo, nên kháng cáo không có cơ sở để chấp nhận.

[9] Do đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bà Cam Thị Đ1 và kháng cáo của ông Vương Văn D không được chấp nhận, nên ông Vương Văn D và bà Cam Thị Đ1 phải chịu án phí phúc thẩm. Tuy nhiên, ông Vương Văn D và bà Cam Thị Đ1 là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, có đơn xin miễn nộp án phí phúc thẩm nên miễn án phí phúc thẩm cho người kháng cáo theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[10] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn và ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với các quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Vương Văn D, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 10/2023/DS-ST ngày 22-5-2023 của Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

2. Căn cứ vào khoản 3 Điều 296 và khoản 2 Điều 312 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Cam Thị Đ1.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Miễn toàn bộ tiền án phí dân sự phúc thẩm cho cho ông Vương Văn D và bà Cam Thị Đ1

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Hà Nội;
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- TAND h. Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn;
- CCTHADS h. Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn;
- Đương sự;
- Người TGTT khác;
- Lưu: HS; Tạ DS; HCTP, KTNV&THA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phùng Đức Chính